

Bản án số: 07/2023/HS-PT

Ngày: 12 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hồng

- **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Đỗ Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 146/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trịnh Thị Lệ D và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trịnh Thị Lệ D;** sinh năm: 1970, tại: Bình Định; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 7, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Trịnh Đỗ Ng (đã chết) và bà Cao Thị Th, sinh năm 1950; anh chị em ruột nhà có 08 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1987; chồng: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1971; con: 02 con, sinh năm 1992 và sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

2. **Nguyễn Thanh L;** sinh năm 1971, tại Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số 106 thôn 7, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị Kh; gia đình có 08 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1993; vợ: Trịnh Thị Lệ D, sinh năm

1970; con: 02 con, sinh năm 1992 và sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

3. **Nguyễn Cao Tr**; sinh năm 1992, tại Lâm Đồng; nơi ĐKNTKTT: Thôn 7, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1971 và bà Trịnh Thị Lệ D, sinh năm 1970; gia đình có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1994; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam từ ngày 09/7/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Lê Minh H1 thuộc Công ty Luật TNHH MTV Bình Thuận – Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Luật sư Vũ Tuấn H2 thuộc Văn phòng Luật sư Vũ Tuấn H2 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Người bị hại: Vợ chồng ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Thôn 4, xã TL, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. ông T có mặt, bà M có đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T1. Địa chỉ: Thôn 4, xã TL, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Cụ Cao Thị Th; sinh năm 1950. Địa chỉ: Số 2/1/2 LLQ, Xóm 4, xã LNg, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Trịnh Minh Ch; sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 103 Thôn 7, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T3; sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 4, xã TL, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. ông Trần Văn K; sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 8 HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Nh; sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 29 Thôn 8 xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Chị Trịnh Minh Th1; sinh năm 1981. Địa chỉ: 146/9 ẤC, phường LNg, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

7. Ông Dương Đức Ph; sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố HC, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 ngày 20/02/2020 ông Trịnh Minh T phát hiện vườn cà phê tại thửa số 65 tờ bản đồ 23 xã HN thuộc Thôn 13 (nay là Thôn 8), xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng bị phá hoại nên trình báo Công an xã HN. Sau khi nhận được tin báo, công an xã HN phối hợp cùng Công an huyện DL tiến hành xác minh làm rõ. Kết quả xác minh cho thấy, ông Trịnh Minh T canh tác vườn cây Cà phê tại thửa đất số 65 tờ bản đồ số 23 tại Thôn 13 (nay là Thôn 8), xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Thửa đất này giáp ranh thửa số 63 tờ bản đồ 23 do gia đình bị cáo Trịnh Thị Lệ D (bị cáo D là chị gái của ông T) canh tác. Hai thửa đất nói trên được UBND huyện DL cấp chung một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/01/1997 cho ông Nguyễn Thanh L, là chồng bà D. Đến năm 2016 thì xảy ra tranh chấp, vì ông Trịnh Minh T cho rằng thửa đất số 65 tờ bản đồ số 23 do mẹ ông T là bà Cao Thị Th cho ông từ năm 1996. ông T yêu cầu gia đình bị cáo D và bị cáo L làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đứng tên ông Trịnh Minh T trên thửa đất số 65. Bị cáo Trịnh Thị Lệ D không đồng ý vì theo bị cáo trình bày thì thửa đất số 65 tờ bản đồ 23 xã HN thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bị cáo, do bị cáo mua của ông Dương Đức Ph và được UBND huyện DL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Gia đình bị cáo D chỉ cho ông T mượn để canh tác, số cây cà phê trên đất là do gia đình bị cáo D trồng.

Không đồng ý với ý kiến của bị cáo D, ông T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử và ban hành Bản án số 20/2018/DS-ST ngày 18/12/2018. Bản án đã xác định diện tích đất 6.219,9 m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng và cây cà phê trên diện tích đất 6.219,9 m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền quản lý, sử dụng và sở hữu của ông Trịnh Minh T, bà Nguyễn Thị M; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện DL cấp ngày 22/01/1997 cho ông Nguyễn Thanh L đối với diện tích đất 6.219,9 m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Trịnh Thị Lệ D không đồng ý với Bản án nói trên nên đã làm đơn kháng cáo. Tại Bản án số 587/2019/DS-PT ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Lệ D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi nhận được Bản án phúc thẩm của TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thanh L và bà Trịnh Thị Lệ D không chấp nhận bản án và vẫn xem diện tích đất, cây cà phê trên đất thửa số 65 tờ bản đồ 23 xã HN là của mình. Vì vậy bị cáo Trịnh Thị Lệ D bàn bạc với bị cáo Nguyễn Thanh L sẽ

cưa cây Cà phê trên thửa đất số 65 để trồng lại. Vì bị cáo L là người làm vườn chính nên sau khi bị cáo D và bị cáo L bàn bạc thống nhất chặt cây cà phê thì sẽ do bị cáo L là người chủ động thực hiện. Khoảng đầu tháng 02/2020 bị cáo Nguyễn Thanh L nói với con là bị cáo Nguyễn Cao Tr mang cưa máy vào cưa toàn bộ cây cà phê thuộc thửa đất số 65 tờ bản đồ số 23 xã HN, mục đích sẽ thuê xe vào đào góc để chuyển đổi sang trồng cây khác. Bị cáo Tr biết rõ cây cà phê thuộc thửa đất số 65 tờ bản đồ số 23 xã HN thuộc quyền quản lý, sở hữu của Trịnh Minh T nhưng vẫn tham gia chặt cây cà phê trên diện tích đất trên. Sau khi bị cáo L và bị cáo Tr cưa hạ xong toàn bộ 565 cây cà phê trên thửa đất số 65 thì vẫn để ở vườn, chưa thu dọn.

Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận có bàn bạc để L và bị cáo Nguyễn Cao Tr dùng cưa chặt hạ toàn bộ 565 cây cà phê trên diện tích đất 6.219,9m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 23 tại xã HN, huyện DL. Các bị cáo vẫn khẳng định 565 cây cà phê trên thửa đất số 65 tờ bản đồ số 23 xã HN là thuộc quyền sở hữu của bị cáo L và bị cáo D, các bị cáo cho rằng việc mình chặt cây cà phê là đúng. Kết quả xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kết quả xét xử phúc thẩm của Tòa cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng, hiện vợ chồng bị cáo đã nộp đơn lên Tòa án nhân dân tối cao để Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Tại Kết luận số 61/KL-HĐĐG ngày 08/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DL kết luận tổng giá trị của 565 cây Cà phê bị Nguyễn Thanh L và Nguyễn Cao Tr cưa hạ có trị giá là 152.586.000 đồng.

Về vật chứng, đối với 02 cưa máy Nguyễn Thanh L và Nguyễn Cao Tr sử dụng để cưa hạ cây cà phê gồm 01 cưa máy của gia đình L và 01 cưa máy L mượn của em trai là Nguyễn Thanh T1, cả 02 cưa máy đều đã bị hư hỏng và đã được bán phế liệu, hiện không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trịnh Minh T, bà Nguyễn Thị M yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 152.586.000 đồng. Hiện các bị cáo vẫn chưa bồi thường.

Cáo trạng số 24A/CT-VKS ngày 28/7/2022 của viện kiểm sát nhân dân huyện DL, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Trịnh Thị Lệ D, bị cáo Nguyễn Thanh L và bị cáo Nguyễn Cao Tr về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết là BLHS 2015)..

Tại bản án hình sự sơ thẩm Số 73/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện DL, tỉnh Lâm Đồng đã xử;

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Cao Tr và Nguyễn Thanh L phạm tội “hủy hoại tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178; Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Lệ D 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Tr 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2022.

Tiếp tục áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thanh L, bị cáo Trịnh Thị Lệ D và tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Nguyễn Cao Tr để đảm bảo cho việc thi hành án, Lệnh và Quyết định tạm giam được ban hành kèm theo bản án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 288, 290, 584, 585, 586, 587, 590, 592 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 bị cáo Nguyễn Thanh L, bị cáo Nguyễn Cao Tr và bị cáo Trịnh Thị Lệ D có trách nhiệm liên đới theo phần bằng nhau để bồi thường cho vợ chồng ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị M số tiền 152.586.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Phần của bị cáo Nguyễn Thanh L là 50.862.000đ (năm mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng); phần của bị cáo Trịnh Thị Lệ D là 50.862.000đ (năm mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng); phần của bị cáo Nguyễn Cao Tr là 50.862.000đ (năm mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 31/8/2022 các bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Cao Tr kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Cao Tr thay đổi kháng cáo không kêu oan, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ: Thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như tội danh bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thành khẩn nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải và đã cố gắng khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Gia đình các bị cáo thật sự rất khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS 2015 xử các bị cáo dưới khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định và đúng quy định nên thời hạn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ.

[2] Do tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên diện tích đất 6.219,9m² đất thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 23 tại xã HN, huyện DL, sau đó đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm Số 20/2018/DS-ST ngày 18/12/2018 và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tại bản án dân sự phúc thẩm Số 587/2019/DS-PT ngày 19/11/2019 đã có hiệu lực pháp luật tuyên xử diện tích đất đất và tài sản trên đất có tranh chấp nói trên thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của vợ chồng ông Trịnh Minh T, bà Nguyễn Thị M. Nhưng các bị cáo Nguyễn Thanh L, Trịnh Thị Lệ D và Nguyễn Cao Tr vẫn không chấp hành, sau đó bàn bạc sử dụng cửa máy cửa toàn bộ 565 cây cà phê trên diện tích đất tranh chấp nói trên. Tài sản bị hủy hoại là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông T bà M, đã được Tòa án công nhận bằng bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật. Theo Kết luận số 61/KL-HĐĐG ngày 08/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DL xác định tổng giá trị thiệt hại của 565 cây cà phê bị Nguyễn Thanh L và Nguyễn Cao Tr cửa hạ có giá trị là 152.586.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật. Sự việc tranh chấp dân sự giữa hai bên đã được Tòa án xét xử qua hai cấp và xác định tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu sử dụng của vợ chồng ông Trịnh Minh T, bà Nguyễn Thị M, các bị cáo đều biết rõ kết quả giải quyết. Tuy nhiên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo quanh co không thừa nhận tính hiệu lực của các bản án dân sự mà Tòa án đã xét xử, không thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã phân tích, đánh giá các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, của các nhân chứng phù hợp với các tình tiết khách quan khác trong vụ án đã tuyên xử các bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Cao Tr phạm tội “ Hủy hoại tài sản”

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 BLHS 2015; không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 cho bị cáo D và bị cáo L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo không kêu oan thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, HĐXX thấy rằng khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, xử phạt các bị cáo Trịnh Thị Lệ D 40 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thanh L 30 tháng tù; bị cáo Nguyễn Cao Tr 24 tháng tù là đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Đồng thời, các bị cáo còn khắc phục một phần hậu quả cho bị hại số tiền 30.000.000đ theo các biên lai thu số 0005755; 0002499 và 0002500 ngày 09/01/2023 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DL, trong đó mỗi bị cáo đã nộp 10.000.000đ. Ngoài ra, bị hại cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L và bị cáo Tr. HĐXX áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 cho các bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo D; áp dụng Điều 65 BLHS 2015 cho bị cáo L và bị cáo Tr được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, phòng ngừa tội phạm chung.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Cao Tr, Nguyễn Thành L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Cao Tr, Nguyễn Thành L phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Lệ D 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12-01-2023).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Tr 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12-01-2023). Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Cao Tr tại phiên tòa theo Quyết định số 01/2023/QĐ-PT ngày 12-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Giao các bị cáo Nguyễn Thanh L, Nguyễn Cao Tr cho Ủy ban nhân dân xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 288, 290, 584, 585, 586, 587, 590, 592 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015

Các bị cáo Trịnh Thị Lệ D, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Cao Tr có trách nhiệm liên đới theo phần bằng nhau để bồi thường cho vợ chồng ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị M số tiền 152.586.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng các bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0005755; số 0002499 và số 0002500 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DL.

Buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường cho vợ chồng ông Trịnh Minh T và bà Nguyễn Thị M số tiền 122.586.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, năm

trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Phần của bị cáo Nguyễn Thanh L là 40.862.000đ (bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng); phần của bị cáo Trịnh Thị Lệ D là 40.862.000đ (bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng); phần của bị cáo Nguyễn Cao Tr là 40.862.000đ (bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thanh L, bị cáo Trịnh Thị Lệ D và bị cáo Nguyễn Cao Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện DL (08);
- VKSND huyện DL (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện DL (01);
- Cơ quan THAHS CA huyện DL (01);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (03);
- Bị hại (01);
- Người liên quan (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng